



PHÁT TRIỂN KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC TRONG CÁC LÀNG NGHỀ TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Nguyễn Quốc Phóng, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Vũ Thị Huyền
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 10/04/2017

Ngày phân biên đánh giá và sửa chữa: 25/05/2017

Ngày bài báo được duyệt đăng: 08/06/2017

Tóm tắt:

Hiện nay trong các làng nghề ở Việt Nam đặc biệt là tại Đồng bằng Sông Hồng đang tồn tại hai chủ thể đó là kinh tế chính thức và kinh tế phi chính thức. Đối tượng kinh tế phi chính thức đang gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ, quy trình sản xuất công nghiệp. Quá trình sản xuất của họ bị bó hẹp trong chính làng nghề của mình. Để đánh giá mức độ đóng góp của đối tượng kinh tế phi chính thức trong làng nghề và khắc phục hạn chế của quá trình tổ chức sản xuất trong quá trình hội nhập kinh tế. Tác giả tập trung phân tích làm rõ một số lý luận về kinh tế phi chính thức, thực trạng của kinh tế phi chính thức tại các làng nghề khu vực Đồng Bằng Sông Hồng từ đó đề xuất giải pháp nhằm phát triển kinh tế phi chính thức tại các làng nghề trong thời gian tới.

Từ khóa: Kinh tế phi chính thức, kinh tế làng nghề.

1. Đặt vấn đề

Trong các làng nghề ở Việt Nam hiện nay hoạt động kinh tế phi chính thức có đóng góp vai trò to lớn trong phát triển kinh tế của địa phương. Nhưng những hoạt động kinh tế phi chính thức này lại rất ít được quan tâm do họ chưa có điều kiện để phát triển thành lĩnh vực kinh tế chính thức. Do vậy, để phát huy được sức mạnh của họ vào phát triển kinh tế của địa phương thì Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương cần phải có các giải pháp cụ thể giúp đỡ nhóm kinh tế phi chính thức phát triển. Bên cạnh đó, các chủ thể kinh tế phi chính thức cũng cần xác định phải thay đổi như thế nào để nâng cao giá trị hoạt động bản thân mình. Để góp phần vào nhận thức thay đổi thành phần kinh tế phi chính thức trong các làng nghề, bài báo đã chỉ ra được bản chất, ý nghĩa, đặc điểm và thực trạng của kinh tế phi chính thức trong làng nghề, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển nhóm kinh tế này.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề về kinh tế phi chính thức trong các làng nghề.

- Phương pháp thống kê mô tả để đánh giá về thực trạng hoạt động kinh tế phi chính thức và kinh tế chính thức, mối quan hệ giữa chúng.

- Phương pháp chuyên gia: tham vấn các chủ cơ sở, những cá nhân làm nghề trên địa bàn xã Thanh Long, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên về việc phát triển kinh tế phi chính thức trong làng nghề.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Làng nghề - Đối tượng của kinh tế phi chính thức

3.1.1. Một số lý luận về kinh tế phi chính thức

Theo *Tổ chức Lao động Thế giới* (ILO) 1993 và 2002, OECD 2002, SNA 1993 và 2008 thì “*kinh tế chưa được giám sát*” bao gồm 3 thành tố:

- Nền kinh tế phi chính thức: thoát khỏi (một phần hoặc hoàn toàn) các quy định của Nhà nước (nhưng không cố ý) – đặc biệt là ở các nước đang phát triển: lao động tự làm; điều tra trực tiếp.

- Kinh tế ngầm: tránh các quy định của Nhà nước (cố ý khai thác doanh số); tiếp cận gián tiếp: chợ đen (tránh kiểm toán thuế).

- Kinh tế bất hợp pháp: sản phẩm bất hợp pháp.

Theo đó thì:

Kinh tế phi chính thức (KTPCT) là khu vực mà ở đó tồn tại việc làm phi chính thức, là một tập hợp các đơn vị sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ với mục tiêu chủ yếu nhằm tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho những người có liên quan, đóng góp vào GDP mà khu vực kinh tế chính thức không với tới được. KTPCT bao gồm nhiều khu vực, nhiều loại hình, nhiều hình thức và đối tượng hoạt động.

Đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc khu vực KTPCT mang những đặc điểm của hộ sản xuất kinh doanh, không có tư cách pháp nhân, hoạt động của các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc khu vực KTPCT không nhằm để lảng tránh nghĩa vụ nộp thuế, bảo đảm xã hội, vi phạm luật lao động hay vi phạm luật pháp hoặc bất kì quy định quản lý nào khác (*Hệ thống Tài khoản Quốc gia – SNA, Tài bản*

lần thứ tư).

Theo Thông tư 116/2006/TT- BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: “Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, thị trấn có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau”.

Như vậy, kinh tế làng nghề bao gồm các hộ sản xuất kinh doanh những ngành nghề đặc trưng của làng nghề mình. Trong đó, một số hộ có thể có tư cách pháp nhân, những hộ kinh doanh này đăng ký thành lập doanh nghiệp dưới dạng (doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần) – đây là đối tượng kinh tế chính thức và số còn lại là các hộ sản xuất kinh doanh chưa đăng ký kinh doanh, không có tư cách pháp nhân họ tồn tại dưới dạng các hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ tham gia vào chuỗi cung ứng hàng hóa của các hộ sản xuất kinh doanh lớn hoặc có thể sản xuất ra các sản phẩm tương tự như các doanh nghiệp khác (họ đại diện cho đối tượng kinh tế phi chính thức trong các làng nghề).

3.1.2. Đặc điểm, vai trò của làng nghề

Hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với hộ gia đình: Nghề thủ công truyền thống bắt đầu từ nông nghiệp và gắn liền với sự phân công lao động ở nông thôn nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt tự cung tự cấp của người nông dân và chủ yếu phục vụ nông nghiệp. Lao động trong các làng nghề chủ yếu là nghề nông, địa điểm sản xuất nghề thủ công truyền thống là tại gia đình họ.

Sản phẩm của làng nghề: chủ yếu phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất. Nó là các vật dụng hàng ngày, có thể là những sản phẩm vừa có giá trị sử dụng, vừa có giá trị thẩm mỹ. Các sản phẩm của làng nghề mang tính chủ quan sáng tạo, hoàn

toàn phụ thuộc vào trình độ và bàn tay khéo léo của người thợ. Nhược điểm này làm cho làng nghề khó đáp ứng đơn đặt hàng lớn do chất lượng sản phẩm không đồng đều.

Kỹ thuật công nghệ trong làng nghề: Công cụ thủ công, phương pháp công nghệ mang tính lịch sử do chính người lao động trong làng nghề tạo ra. Kỹ thuật đặc biệt nhất của làng nghề là những bí quyết, kinh nghiệm của người thợ được tích lũy qua nhiều thế hệ, giữ được tính chất bí truyền của nghề.

Tổ chức sản xuất kinh doanh: Mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh trong các làng nghề hiện nay chủ yếu là hộ gia đình với đặc điểm lao động là các thành viên trong gia đình, chỉ khi thời vụ hoặc có đơn hàng lớn thì mới thuê thêm lao động.

Trong quá trình sản xuất, cũng đã xuất hiện mô hình tổ sản xuất là sự liên kết, hợp tác giữa các hộ gia đình để cùng sản xuất, chia sẻ những khó khăn và lợi ích thông qua thỏa thuận bằng hợp đồng miện giữa các hộ gia đình.

3.2. Thực trạng kinh tế phi chính thức trong các làng nghề tại vùng Đồng bằng Sông Hồng

3.2.1. Thực trạng về làng nghề

Quy mô và sự phân bố làng nghề: Theo kết quả báo cáo tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản, cả nước có 1.322 làng nghề và làng có nghề (chiếm 11% số xã có làng nghề trong tổng số 9.071 xã cả nước) trong đó có 1.262 làng nghề được công nhận đạt tiêu chuẩn làng nghề. Làng nghề này tập chung chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Hồng (ĐBSH) là vùng có sự tập trung cao về hoạt động làng nghề với 706 làng nghề, chiếm hơn nửa số làng nghề hiện có của nước ta. Trong đó, Hà Nội, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thái Bình và Nam Định là 5 tỉnh tập trung có làng nghề chiếm ưu thế về số lượng và đa dạng loại hình hoạt động của vùng ĐBSH.

Bảng 1. Số lượng làng nghề phân bố theo khu vực

TT	Khu vực	Tổng số làng nghề		Phân loại làng nghề			
		Tổng số (làng nghề)	Cơ cấu (%)	Làng nghề truyền thống	Tỷ lệ (%)	Nhóm làng nghề khác	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Bằng Sông Hồng	706	53,40	521	74	185	26
2	Trung du và miền núi phía Bắc	152	11,50	98	64	54	36
3	Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung	305	23,07	231	76	74	24
4	Tây Nguyên	9	0,68	8	89	1	11
5	Đông Nam Bộ	18	1,36	15	83	3	17
6	Đồng Bằng Sông Cửu Long	132	9,98	103	78	29	22
	Tổng cộng	1.322	100	976		346	

(Nguồn: Tổng cục thống kê 2012)

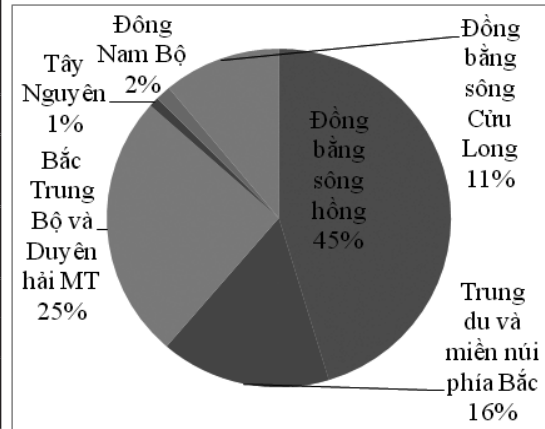
Số làng nghề truyền thống tại khu vực Đồng Bằng Sông Hồng cũng chiếm tỷ trọng lớn (74% tổng số làng nghề), số làng nghề truyền thống này

giải quyết việc làm cho một số lượng lớn lực lao động nông thôn và tạo ra thu nhập cho người dân cả những lúc nông nhàn, cả khi mùa vụ.

Phân bố xã làng nghề theo khu vực:

Bảng 2. Số xã có làng nghề so với tổng số xã và tỷ lệ số xã có làng nghề trong tổng số xã có làng nghề

TT	Khu vực	Tổng số xã	Số xã có làng nghề	Tỷ lệ (%)
1	Đồng bằng sông hồng	1.901	440	23%
2	Trung du và miền núi phía Bắc	2.283	155	7%
3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	2.436	246	10%
4	Tây Nguyên	600	9	2%
5	Đông Nam Bộ	465	14	3%
6	Đồng bằng sông Cửu Long	1.293	107	8%
	Cả nước	8.978	971	



(Nguồn: Tổng cục thống kê 2016)

Theo số liệu điều tra của tổng cục thống kê 2016, (Bảng 2) số xã có làng nghề trong cả nước là 971 xã trong tổng số 8.978 xã chiếm 11% số xã có làng nghề. Trong đó số xã có làng nghề tại Đồng bằng Sông Hồng chiếm tỷ lệ cao nhất là 23% với 440 xã so với 1.901 xã tiếp đến là khu vực Bắc

Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung. Xét trên tỷ lệ xã có làng nghề thì khu vực Đồng bằng Sông hồng số xã có làng nghề cũng chiếm tỷ lệ cao nhất với 440 so với 971 xã (chiếm 45% tổng số xã có làng nghề), đây là khu vực mà số lượng làng nghề cao.

Số lượng hộ và lao động tại làng nghề trong khu vực Đồng bằng Sông Hồng:

Bảng 3. Số lượng hộ và lao động tham gia sản xuất tại các làng nghề phân loại theo nhóm ngành

TT	Khu vực	Tổng số hộ làng nghề		Tổng số người tham gia	
		Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
1	Đồng Bằng Sông Hồng	222.685	68,02	505.026	65,82
2	Trung du và miền núi phía Bắc	21.526	6,58	49.295	6,42
3	Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung	46.754	14,28	108.255	14,11
4	Tây Nguyên	529	0,16	837	0,11
5	Đông Nam Bộ	4.409	1,35	10.980	1,43
6	Đồng Bằng Sông cửu Long	31.477	9,61	92.880	12,11
	Tổng cộng	327.380	100	767.273	100

(Nguồn: Tổng cục thống kê 2012)

Cũng theo báo cáo kết quả của cuộc tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn năm 2011, hoạt động làng nghề đã thu hút 327 ngàn hộ với 767 ngàn lao động thường xuyên và tạo công việc làm thời vụ cho trên 505 ngàn lao động (năm 2006 là 256 ngàn hộ và 655 ngàn lao động). Hoạt động làng nghề ở ĐBSH chiếm 68,02% tổng số hộ làm nghề của cả nước (với trên 222 ngàn hộ) và chiếm 65,82% tổng số lao động của cả nước (với trên 505 ngàn lao động).

Cũng theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến 31-12-2014 số làng nghề và làng có nghề ở nước ta là 5.096 làng nghề. Số làng nghề truyền thống được công nhận theo tiêu chí làng nghề hiện nay của Chính phủ là 1.748 làng nghề, thu hút khoảng 10 triệu lao động (trong đó Hà Nội có 1.350 làng nghề và làng có nghề). Ở các làng nghề thủ công truyền thống hiện nay đang thu hút một lượng lớn lao

động tại địa phương và nhiều nơi khác tới lao động thời vụ, tạo việc làm và cải thiện đời sống cho đồng bào cư dân nông thôn.

3.2.2. Thực trạng về hoạt động kinh tế phi chính thức trong làng nghề

- *Quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh tế phi chính thức trong làng nghề*

Kinh tế phi chính thức trong làng nghề là những đối tượng kinh tế mà việc quản lý nhà nước còn đang hạn chế như các hộ kinh doanh cá thể, các hộ gia đình có nghề, người làm nghề tự do. Đây là những đối tượng mà việc thống kê xem họ làm đang cái gì? sản xuất được bao nhiêu? có bao nhiêu người tham gia làm nghề là việc làm khó do công việc của họ thường xuyên biến động. Theo tác giả nghiên cứu hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh ở làng nghề trên địa bàn huyện Yên Mỹ, Hưng Yên hiện nay bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, các cá nhân làm nghề, trong đó hộ sản xuất, cá nhân làm nghề chiếm nhiều nhất khoảng trên 95%. Hộ sản xuất kinh doanh này thường nhỏ lẻ chính vì thế việc quản lý nhà nước đối với quá trình sản xuất như thuế, công nghệ, môi trường, việc làm... thường rất khó khăn. Kết quả điều tra về số hộ và số người tham gia theo bảng 3 cũng như kết quả đóng góp của các làng nghề đối với sự phát triển của địa phương chỉ mang tính chất thời điểm vì hoạt động của các hộ sản xuất trong làng nghề thường luôn trong tình trạng thiếu vốn, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, khả năng tiếp cận thị trường yếu, đặc biệt ứng phó với sự thay đổi từ môi trường bên ngoài dẫn đến sự thay đổi về quy mô số hộ và việc làm biến động khi nhu cầu thị trường giảm sút.

- *Sản lượng sản xuất kinh doanh tại các làng nghề Đồng Bằng Sông Hồng*

Bảng 3. *Giá trị sản xuất và thu nhập bình quân của một số làng nghề*

TT	Tỉnh/Thành Phố	Giá trị sản xuất làng nghề trung bình (tỷ đồng)	Thu nhập bình quân/người/tháng
1	Bắc Ninh	7.629	4,0-4,5
2	Thái Bình	7.787	2,0-2,5
3	Nam Định	4.100	2,5-4,0
4	Hà Nội	7.658	3,5-4,0
5	Ninh Bình	6.299	4,0-6,0

(Nguồn: *Tác giả tổng hợp từ năm 2015-2017*)

Theo nghiên cứu của tác giả, giá trị sản xuất công nghiệp của một số làng nghề lớn như Bắc Ninh (7.629 tỷ đồng), Thái Bình (7.787 tỷ đồng), Hà Nội bao gồm cả Hà Tây sát nhập (7.658 tỷ đồng)

và tạo ra hàng trăm nghìn việc làm cho người dân nông thôn với mức thu nhập bình quân từ 4-4,5 triệu đồng/ tháng như ở Bắc Ninh và 4,0-6,0 triệu đồng/ tháng như ở Ninh Bình nhưng có đến 95% số hộ (tương ứng với 211.551 hộ) là những hộ kinh doanh nhỏ lẻ hộ chưa đăng ký kinh doanh, chưa có trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, thiếu vốn, khoa học công nghệ, chưa có phương pháp tổ chức sản xuất khoa học và nghiên cứu xúc tiến thị trường. Sản phẩm làm nghề làm ra thường dựa trên kinh nghiệm truyền lại từ đời này sang đời khác, sản phẩm tốt nhưng chưa thực sự thỏa mãn nhu cầu của khách hàng trong nước và thế giới.

Như vậy, với hàng nghìn làng nghề trong khu vực Đồng bằng Sông Hồng với 222.685 hộ sản xuất kinh doanh và tạo ra 505.026 việc làm, trong đó, Khu vực kinh tế phi chính thức chiếm 95% tương ứng với 211.551 hộ và 479.775 việc làm trong làng nghề. Như vậy, các làng nghề ở ĐBSH đóng một vai trò rất lớn trong phát triển kinh tế của địa phương giải quyết một số lượng lớn công ăn việc làm cho các đối tượng làng nghề và các đối tượng làm thuê vào thời gian nông nhàn tại các làng nghề. Nhưng những đối tượng này chưa thực sự được quan tâm đúng mực, Nhà nước cần phải có các chính sách khuyến khích cũng như các giải pháp để phát triển nhóm đối tượng này.

3.3. Đề xuất giải pháp phát triển kinh tế phi chính thức trong làng nghề tại Đồng bằng Sông Hồng

Trên thực tế kinh tế phi chính thức trong các làng nghề tuy có một vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các địa phương nhưng lại phát triển một cách phi chính thức, thiếu sự quản lý của Nhà nước chính. Để phát triển bộ phận kinh tế này cần có các giải pháp sau:

Về phía Nhà nước: Cần phải có các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phi chính thức trong làng nghề phát triển bền vững như: chính sách về hỗ trợ về vốn, lãi suất, như có chính sách lãi suất thấp, ưu đãi về thời gian trở nợ,...; hỗ trợ về khoa học kỹ thuật, có chính sách đào tạo công nhân làng nghề. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần có các chính sách hỗ trợ làng nghề trong phát triển quỹ đất sản xuất tập trung, hỗ trợ trong xử lý môi trường ô nhiễm; xử lý rác thải, chất thải làng nghề, có cơ chế khuyến khích các hộ sản xuất liên kết thành lập hợp tác xã làng nghề hoặc các doanh nghiệp tư nhân, công ty nhằm giúp làng nghề có đủ năng lực phát triển thị trường và từng bước vươn ra thị trường thế giới.

Về phía đối tượng phi chính thức trong làng nghề

Chủ thể kinh tế phi chính thức trong làng

nghe chiếm số lượng lớn chủ yếu là các hộ kinh doanh cá thể chưa đăng ký, các hộ gia đình, cá nhân làm nghề để phát triển cần:

Thứ nhất: Tổ chức quản lý, hợp lý hóa quá trình phân công lao động, tiến tới sự chuyên môn hóa và thúc đẩy sự hợp tác sản xuất trong làng nghề. Việc sản xuất một sản phẩm trong làng nghề thường được trải qua nhiều công đoạn sản xuất từ khâu thu mua nguyên vật liệu đầu vào đến khâu bán thành phẩm hoặc xuất khẩu hàng hóa. Đối tượng phi chính thức thường không có tư cách pháp nhân, chưa đăng ký kinh doanh, không trực tiếp ký được các hợp đồng, đơn đặt hàng lớn. Bên cạnh đó, bộ phận phi chính thức trong làng nghề thường làm sản phẩm dựa trên bí quyết, kinh nghiệm từ các thế hệ trước truyền lại hoặc do đối tượng lao động thời vụ thực hiện. Việc ứng dụng máy móc trang thiết bị, tin học hóa vào quá trình sản xuất, nghiên cứu thị hiếu thị trường còn yếu. Chính vì thế họ không thể bán hàng trực tiếp cho các doanh nghiệp hoặc xuất khẩu được. Do vậy, Họ cần liên kết với nhau để trở thành hộ sản xuất đủ mạnh về vốn, thị trường họ thành lập doanh nghiệp (đối tượng chính thức) thực hiện thu gom và tiêu thụ hoặc xuất khẩu sản phẩm còn các hộ gia đình thực hiện khâu gia công.

Thứ hai: Đào tạo phát triển nhân lực, nâng cao trình độ tay nghề, tác phong công nghiệp, khả năng tổ chức và quản lý sản xuất cho các đối tượng phi chính thức trong các làng nghề. Để nâng cao năng suất lao động cho đối tượng làm nghề trong lĩnh vực kinh tế phi chính thức, cần trang bị các kiến thức cho những lao động thuộc đối tượng này như kỹ năng nghề, khả năng làm việc với các máy móc trang thiết bị công nghệ mới cũng như cần trang bị cho người lao động các kiến thức về quản lý chất lượng, quản lý sản xuất phù hợp với nghề nghiệp trong các làng nghề.

Thứ ba: Nâng cao hệ thống tổ chức sản xuất liên kết giữa các đối tượng kinh tế phi chính thức trong làng nghề.

- Hệ thống đặt hàng gia công trong làng

nghe và giữa các làng nghề trong khu vực: Hoạt động làng nghề bao gồm nhiều cơ sở sản xuất, họ có sự phân công lao động rõ ràng, các cơ sở có năng lực bổ sung cho nhau hoặc thực hiện một công đoạn sản xuất hoặc sản xuất một loại sản phẩm. Do tác động của việc cơ giới hóa và đa dạng hoá sản xuất, có sự phân công lao động lớn hơn giữa các hộ và điều này làm tăng độ dài của chuỗi sản xuất. Các cơ sở sản xuất lớn, các doanh nghiệp thu gom tổ chức tốt hoạt động gia công từ các hộ gia đình tại làng nghề hoặc các làng nghề lân cận.

- *Chủ động xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất cho đối tượng kinh tế phi chính thức trong các làng nghề* như mô hình hợp tác xã hoặc các nhóm liên kết sản xuất sản phẩm. Các mô hình này giúp các đối tượng kinh tế phi chính thức tại các làng nghề dần có tư cách pháp nhân trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình, đồng thời giúp các hộ sản xuất có cơ hội liên kết, phối hợp trong quá trình sản xuất sản phẩm, chuyên môn hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm.

4. Kết luận

Hiện nay hoạt động kinh tế phi chính thức tại các làng nghề đóng góp rất lớn vào sự phát triển kinh tế địa phương, cũng như đời sống dân sinh, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn. Quá trình theo dõi thống kê kết quả đóng góp của nhóm đối tượng này vào sự phát triển của nền kinh tế là rất khó khăn, do họ phi chính thức. Với bài viết này tác giả mong muốn đóng góp ý kiến của mình vào sự phát triển của làng nghề nói chung và khu vực kinh tế phi chính thức trong làng nghề nói riêng.

Bài viết còn một số hạn chế trong việc đánh giá thực trạng đóng góp của bộ phận kinh tế phi chính thức tại các làng nghề ở Đồng bằng Sông Hồng vào sự phát triển kinh tế địa phương cũng như kinh tế cả nước. Điều này cũng mở ra một hướng nghiên cứu cho các nhà khoa học khác khi nghiên cứu về làng nghề tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Tổng cục thống kê, (2012), *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, thủy sản năm 2011*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, Việt Nam, trang 165 -168.
- [2]. *Thông tư 116/2006/TT - BNN của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn* {Trực tuyến} Đọc từ http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=18855 (đọc ngày 10 tháng 07 năm 2016).
- [3]. *Báo cáo sơ bộ kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016*, NXB Thống kê 2016, <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=5&ItemID=18282>, (đọc ngày 25 tháng 05 năm 2017).
- [4]. Đỗ Hoài Nam, (2013), *Hội thảo kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*, NXB Tri thức.
- [5]. <http://ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=16603> (đọc ngày 08 tháng 07 năm 2016).

**NON-CORE ECONOMY DEVELOPMENT IN HANDICRAFT VILLAGES
IN THE RED RIVER DELTA**

Abstract:

Currently in the craft villages in Vietnam, especially in the Red River Delta, there are two entities, the formal economy and the informal economy. The informal economy is facing difficulties in accessing to markets, science and technology, and industrial production processes. Their production process is confined in their own villages. To assess the contribution of the informal economy in craft villages and overcome the constraints of the production organization in the process of economic integration. The author focuses on clarifying some theories as well as the realities of the informal economy in handicraft villages in the Red River Delta, and proposing solutions for the development of the non-core economy in the future.

Keywords: *informal economy, craft village economy.*